

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 26/01/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hiền

2. Ông Hoàng Triệu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng N.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thành K, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2020, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Chị và anh Lê Thành K kết hôn vào năm 2010 nhưng sau đó do mâu thuẫn nên chị và anh K ly hôn. Đến 2015 chị và anh K vì thương con nên đã tự nguyện đăng ký kết hôn lại vào ngày 17/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cãi nhau về tiền bạc, anh Kiên nhiều lần xúc phạm và xô xát nhau. Chị đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên ngăn nhưng anh Kiên vẫn không thay đổi. Nay tình cảm giữa chị và anh K không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn anh Lê Thành K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung tên Lê Hoàng Như Ý, sinh ngày 15/02/2012 và Lê Thuần H, sinh ngày 12/11/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, chị yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con đối với cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Đối với cháu Lê Hoàng Như Ý thì theo quyết định số 06/2013/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa chị và anh K đã thỏa thuận giao cháu Ý cho chị nuôi dưỡng, anh K cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Ý 18 tuổi nên nay chị không có ý kiến gì về cháu Ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập bị đơn anh Lê Thành K đến Tòa án để làm việc liên quan đến việc khởi kiện của chị H cũng như kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bị đơn vẫn không đến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- + Chị Đặng Thị H được ly hôn anh Lê Thành K
- + Giao con chung tên Lê Thuần H, sinh ngày 12/11/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.
- + Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định, chị H chấp hành đúng quyền

và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Lê Thành Kiên đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh Kiên tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Lê Thành K kết hôn vào ngày 17/02/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức H, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh K có xảy ra mâu thuẫn nên chị H yêu cầu được ly hôn anh K. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh K nhưng anh K không đến Tòa án để làm việc, không có thiện chí để Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ chung sống. Năm 2013 chị H và anh K đã ly hôn; năm 2016 anh chị kết hôn lại; tháng 01/2020 chị H gửi đơn đến Tòa án Mộ Đức nhưng sau đó rút đơn, nay chị tiếp tục gửi đơn yêu cầu ly hôn anh K. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung tên Lê Hoàng Như Ý, sinh ngày 15/02/2012 và Lê Thuần H, sinh ngày 12/11/2015.

Đối với con chung tên Lê Hoàng Như Ý thì vào ngày 28/11/2013 chị H, anh K thuận tình ly hôn và thỏa thuận giao con chung Lê Hoàng Như Ý cho chị H nuôi dưỡng, anh K cấp dưỡng tiền nuôi con đối với cháu Ý mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Ý 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H không tranh chấp với anh K về việc nuôi con chung tên Ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung tên Lê Thuần H, sinh ngày 12/11/2015. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy, hiện nay cháu H đang ở với chị H. Mặc khác, anh Kiên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao con chung tên Lê Thuần H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Thuần H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh K không có ý kiến về cấp dưỡng tiền nuôi con, chị H yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình và Hướng dẫn tại mục 2, phần III Công văn số 24/1999/KHXX, ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân

dân tôi cao “*Về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề áp dụng pháp luật*” thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị H yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với điều kiện của bị đơn hiện nay nên được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Anh K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H được ly hôn anh Lê Thành K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thuần H, sinh ngày 12/11/2015 cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Thành K cấp dưỡng cho con đối với cháu Lê Thuần H mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu Lê Thuần H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 26/01/2021.

Anh Lê Thành K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005829 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ Thẩm. Anh Lê Thành K phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương